Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9029.20.20

Mã HS	9029.20.20
Mô tả hàng hóa	Máy đếm vòng quay, máy đếm sản lượng, máy đếm cây số để tính tiền taxi, máy đếm dặm, máy đo bước và máy tương tự; đồng hồ chỉ tốc độ và máy đo tốc độ góc, trừ các loại máy thuộc nhóm 90.14 hoặc 90.15; máy hoạt nghiệm / - Đồng hồ chỉ tốc độ và máy đo tốc độ góc; máy hoạt nghiệm: / - - Máy đo tốc độ góc cho xe có động cơ
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	31/10/2026 20:14:55
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90292020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18199
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18199
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18199
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17524
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17453
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17453
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17453
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17453
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17453
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17453
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17509
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17509
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17509
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17509

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17509
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17509
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17510
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17510
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17510
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17510
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17510
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17510
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17515
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17471
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17467
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17467
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17467
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17467
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17467
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17467
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17513
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17513
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17513
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17513
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17513
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17513
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17575
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17575
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17575
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17575

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17575
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17575
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17551
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17551
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17551
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17551
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17551
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17551
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17546
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17546
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17546
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17546
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17546
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17546
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17576
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17576
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17576
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17576
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17576
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17576
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17575
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17575
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17575
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17575
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17575
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17575

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17669
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17669
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17669
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17669
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17669
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17669
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17669
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17538
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17538
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17538
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17538
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17538
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17538
RCEP B	2022	2022	0	B!D17538
RCEP B	2023	2023	0	B!E17538
RCEP B	2024	2024	0	B!F17538
RCEP B	2025	2025	0	B!G17538
RCEP B	2026	2026	0	B!H17538
RCEP B	2027	2027	0	B!I17538
RCEP C	2022	2022	0	C!D17536
RCEP C	2023	2023	0	C!E17536
RCEP C	2024	2024	0	C!F17536
RCEP C	2025	2025	0	C!G17536
RCEP C	2026	2026	0	C!H17536
RCEP C	2027	2027	0	C!I17536
RCEP D	2022	2022	0	D!D17535

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17535
RCEP D	2024	2024	0	D!F17535
RCEP D	2025	2025	0	D!G17535
RCEP D	2026	2026	0	D!H17535
RCEP D	2027	2027	0	D!I17535
RCEP E	2022	2022	0	E!D17539
RCEP E	2023	2023	0	E!E17539
RCEP E	2024	2024	0	E!F17539
RCEP E	2025	2025	0	E!G17539
RCEP E	2026	2026	0	E!H17539
RCEP E	2027	2027	0	E!I17539
RCEP F	2022	2022	0	F!D17538
RCEP F	2023	2023	0	F!E17538
RCEP F	2024	2024	0	F!F17538
RCEP F	2025	2025	0	F!G17538
RCEP F	2026	2026	0	F!H17538
RCEP F	2027	2027	0	F!I17538
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16441
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16441
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16441
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16441

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9029.20 có 3 dòng thuế; dòng 9029.20.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Máy đo tốc độ góc cho xe có động cơ.	9029.20.10 Đồng hồ tốc độ dùng cho xe có động cơ; 9029.20.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-005	BLUE	Có mã Chương 98 tương ứng	Mã 9029.20.20 có mã Chương 98 tương ứng 9849.38.90 (thuế MFN riêng: 0%). Chỉ áp dụng khi đáp ứng điều kiện của Chương 98.	- - - Máy đo tốc độ góc cho xe có động cơ	26/2023/NĐ-CP	Đọc điều kiện tại Chương 98 (Nghị định 26/2023/NĐ-CP và sửa đổi).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9029.20.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9029.20.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18199), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.